

Số: 44/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 26/3/2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hồng;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tiến Phong; Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Nam – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Trịnh Thu Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 03 năm 2024 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 29/2024/TLPT- HN&GD ngày 07 tháng 03 năm 2024. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 17/2023/HN&GD-ST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 57/2024/QĐPT- HN&GD ngày 11 /03/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Hà Thị H, sinh năm 1990. Nơi thường trú: CT1A, khu nhà ở S, phường X, quận B, Thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Bác sỹ nha khoa. (Có mặt).

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1988. Nơi ở: Phòng 2204, CT1A, khu nhà ở S, phường X, quận B, Thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Trưởng phòng xử lý khoản vay Công ty L. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Bị đơn: Bà Phạm Thị Nguyệt T – Luật sư Công ty L1 – Đoàn Luật sư thành phố H. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/01/2016 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh B. Từ năm 2018, chị và anh H1 chung sống tại địa chỉ CT1 chung cư G X, B, Hà Nội. Từ tháng 4/2023 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị nhận thấy vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm về mọi vấn đề trong cuộc sống. Đối với ý kiến của anh H1 trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do chị có người thứ ba thì chị phủ nhận vấn đề này. Nguyên nhân chính gây mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên không có sự thông cảm, không cùng suy nghĩ với nhau trong đời sống chung, đặc biệt anh H1 nhiều lần dọa ly hôn chị gây ảnh hưởng lòng tự trọng của chị. Từ tháng 5/2023 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, chị chuyển ra ngoài phòng khám để ở cùng con gái thứ hai. Thời gian đầu sau khi ly thân, anh H1 có động thái thuyết phục chị quay lại nhưng chị không còn mong muốn chung sống cùng anh H1 nữa và xác định mâu thuẫn không thể khắc phục. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh H1, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

Về con chung: Chị và anh H1 có 02 (hai) con chung là Nguyễn Minh C, sinh ngày 29/8/2016 và Nguyễn Minh C1, sinh ngày 01/4/2018. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu anh H1 cấp dưỡng 10.000.000đ/tháng cho cả hai con. Về điều kiện nuôi con, chị đang kinh doanh Phòng khám N, thu nhập mỗi tháng khoảng 200.000.000đ/tháng. Về chỗ ở, chị có hợp đồng thuê nhà chính là phòng khám, hiện chị vừa kinh doanh vừa sinh sống tại đó.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn H1 trình bày:

Về tình cảm vợ chồng: Anh và chị Hà Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/01/2016 tại UBND xã N, huyện T, tỉnh B. Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn phát sinh từ tháng 4/2023. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng chưa có sự thống nhất với nhau về các vấn đề công việc, tài chính gia đình. Tuy nhiên, xuất phát cũng từ sự quan tâm của anh đối với chị H. Việc chị H có quen biết một người phụ nữ và có mối quan hệ hợp tác nhưng anh chị chưa có sự thống nhất quan điểm về việc hợp tác này. Từ tháng 5/2023 đến nay, do vợ chồng căng thẳng nên chị H đã tự chuyển ra khỏi nhà sinh sống. Anh cũng đã có động thái thuyết phục, phân tích và quan trọng về tình cảm là muốn con cái có đầy đủ bố mẹ nên đã cố gắng để hàn gắn với chị H nhưng không được. Trong quá trình hòa giải tại Tòa án, anh từng không đồng ý ly hôn với chị H vì nghĩ đến các con. Tuy nhiên, sau đó anh nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn, không có khả năng đoàn tụ và anh xác định chị H cũng đã có tình cảm với người khác nên đồng ý ly hôn chị Hà Thị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 (hai) con chung là Nguyễn Minh C, sinh ngày 29/8/2016 và Nguyễn Minh C1, sinh ngày 01/4/2018. Ly hôn, anh đề nghị được giao cả hai con chung trực tiếp nuôi dưỡng và chưa yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện anh đang làm Trưởng phòng xử lý khoản vay tại Công ty L, thu nhập mỗi tháng khoảng 20.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/HNGĐ-ST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân quận B, Hà Nội đã Quyết định: Chấp nhận đơn yêu cầu Ly hôn của chị Hà Thị H đối với anh Nguyễn Văn H1. Về nhân thân: Cho chị Hà Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H1. Về con chung: Xác nhận chị Hà Thị H và anh Nguyễn Văn H1 có 02 (hai) con chung là Nguyễn Minh C, sinh ngày 29/8/2016 và Nguyễn Minh C1, sinh ngày 01/4/2018. Giao cả hai con chung Nguyễn Minh C, Nguyễn Minh C1 cho chị Hà Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 10.000.000 đồng/tháng (Mười triệu đồng/tháng) cho cả hai con chung; thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01 năm 2024 cho đến khi các con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung của anh Nguyễn Văn H1; Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét; Về công nợ chung: Không có nên tòa không xét.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 18/01/2024 bị đơn anh Nguyễn Văn H1 có đơn kháng cáo một phần bản án về quyền nuôi con chung. Anh đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về phần con chung, cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng một con chung là cháu Nguyễn Minh C với lý do anh là người gần gũi và chăm sóc cháu từ nhỏ, hiện tại anh có đủ điều kiện về thời gian, kinh tế để tiếp tục nuôi dưỡng, dạy bảo chăm sóc cháu.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Anh H1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H1 thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử phúc chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H1, cho anh H1 được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh C với lý do như đã trình bày ở trên. Nếu được nuôi cháu C, anh tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con với chị H cho cháu C1 với mức 5.000.000 VNĐ/tháng.

Nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H1, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Trường hợp chỉ chỉ được nuôi một con, anh H1 được nuôi cháu C, chị cũng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh H1 với mức 5.000.000 VNĐ/ tháng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm về phần con chung, giao cháu **Nguyễn Minh C** cho anh **H1** được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, do anh chị cùng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức 5.000.000VNĐ/ tháng nên đối trừ thì không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Những nội dung khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn kháng cáo và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2] Xét về yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh **Nguyễn Văn H1 về phần con chung:**

Hội đồng xét xử xét: Chị **Hà Thị H** và anh **Nguyễn Văn H1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/01/2016 tại **UBND xã N, huyện T, tỉnh B**, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị **Hà Thị H** và anh **Nguyễn Văn H1** cùng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn đã kéo dài từ lâu. Nguyên nhân mâu thuẫn chính do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không có sự thấu hiểu, quan tâm, tin tưởng nhau. Cả hai đều xác định vợ chồng không thể đoàn tụ, tại cấp phúc thẩm chị **H** vẫn kiên quyết xin ly hôn, anh **H1** cũng đồng ý ly hôn. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Hà Thị H** đối với anh **Nguyễn Văn H1** có căn cứ.

Chị **Hà Thị H** và anh **Nguyễn Văn H1** có 02 (hai) con chung là cháu **Nguyễn Minh C**, sinh ngày 29/8/2016 và cháu **Nguyễn Minh C1**, sinh ngày 01/4/2018. Khi ly hôn, cả chị **H** và anh **H1** cùng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung. Sau khi xử sơ thẩm anh **H1** kháng cáo, anh cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung, nếu không được nuôi cả hai cháu thì anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng một con chung là cháu **Nguyễn Minh C**. Nguyện vọng được nuôi con chung của anh chị là chính đáng, xuất phát từ tình cảm và cũng là quyền và nghĩa vụ của người làm cha mẹ. Tuy nhiên khi giao con chung là các cháu nhỏ cho ai thì Hội đồng xét xử cần phải xem xét về mọi mặt để đảm bảo về quyền lợi và sự phát triển tốt nhất cho các cháu.

Xét về điều kiện kinh tế, công việc và thời gian để chăm sóc các cháu thì cả hai anh chị đều có điều kiện như nhau. Anh **H1** và chị **H** đều có công việc, có thu nhập ổn định. Về thực tế anh **H1** vẫn là người chăm sóc đưa đón các cháu đi học hàng ngày và anh chị cũng tạo điều kiện cho nhau đón con để các cháu vẫn được vui chơi và cùng nhau. Từ khi chị **H** chuyển ra ngoài thuê nhà ở và làm phòng khám tại **M, Cầu G** thì cháu **C** vẫn được ở lại ngôi nhà của anh chị và đi học ở trường **Đoàn Thị Đ** gần nhà. Nguyên vọng của cháu **C** muốn được ở cùng bố nếu bố mẹ ly hôn.

Như vậy, anh chị có hai con chung các cháu đều còn nhỏ rất cần sự quan tâm chăm sóc của cha mẹ, vì nhiều lý do anh chị không thể tiếp tục chung sống vợ chồng để cho các con một mái ấm có đầy đủ cả cha và mẹ việc thì việc chia sẻ và gánh vác trách nhiệm của người cha và mẹ là ngang nhau và cũng là tình cảm của cha mẹ giành cho con. Hơn nữa cả hai cháu nhỏ mà chỉ do một mình chị **H** trực tiếp chăm sóc sẽ là vất vả và khó khăn trong việc nuôi dưỡng và giáo dục các cháu.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giao một con chung là cháu **Nguyễn Minh C** cho anh **H1** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh chị cùng tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức 5.000.000VNĐ/tháng nên đôi trừ thì không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Những nội dung khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị được giữ nguyên có hiệu lực pháp luật thi hành.

Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần quyết định của bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2023/HNGĐ-ST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân quận B, Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Hà Thị H** đối với anh **Nguyễn Văn H1**. Chị **Hà Thị H** được chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh **Nguyễn Văn H1**.

2. Về con chung: Xác nhận chị **Hà Thị H** và anh **Nguyễn Văn H1** có 02 (hai) con chung là **Nguyễn Minh C**, sinh ngày 29/8/2016 và **Nguyễn Minh C1**, sinh ngày 01/4/2018. Giao cháu **Nguyễn Minh C** cho anh **Nguyễn Văn H1** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu **Nguyễn Minh C1** cho chị **Hà Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Anh **H1**, chị **H** được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

4. Về công nợ chung: Không có nên tòa không xét.

5. Về án phí: Chị **Hà Thị H** phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0044157 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội. Anh **H1** không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả cho anh **H1** 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh **H1** đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0021290 ngày 18/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 3 năm 2024.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận B, Hà Nội;
- Chi cục thi hành án dân sự quận B, Hà Nội;
- UBND xã N, huyện T, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thu Hồng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thành viên HĐXX

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa